

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024 (tháng 9/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG.

1.1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON PHẢ LẠI

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Phả Lại: Điểm trường khu Nhiệt Điện 1, KDC số 5, phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Điểm trường: KDC số 5, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0968065994

- Email: mamnonphalai2019@gmail.com

- Website: <http://cl-mnphalai.haiduong.edu.vn>

- Fanpage: Trường Mầm non Phả Lại.

- Facebook: Mầm non Phả Lại.

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND thành phố Chí Linh.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng của nhà trường:

Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Là tinh thần Trách nhiệm - Đoàn kết - Nhân ái - Hợp tác - Sáng tạo

- Tầm nhìn:

Là một trong các trường Mầm non để giáo viên, học sinh sẽ lựa chọn cho mình dạy và học, thể hiện quyết tâm, khát vọng vươn cao trong nghề nghiệp và cuộc sống.

- Mục tiêu:

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển.

Trường Mầm non Phả Lại là trường thuộc khu vực miền núi cách trung tâm Thành phố Chí Linh khoảng 10km. Trường được thành lập tháng 08/2019 do sáp nhập trường Mầm non Phả Lại với trường Mầm non Nhiệt Điện Phả Lại theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 24 tháng 07 năm 2019 của UBND thành phố Chí Linh cho đến nay.

Trải qua 05 năm xây dựng và không ngừng phấn đấu của toàn thể Cán bộ giáo viên, nhân viên, tập thể nhà trường luôn nỗ lực trong phong trào giáo dục mầm non của Thành phố Chí Linh.

Năm học 2019-2020 trường đã được công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020. Tháng 12 năm 2020 Trường mầm non Phả Lại được UBND Tỉnh Hải Dương công nhận trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND Tỉnh Hải Dương và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1578/QĐ-SGDĐT ngày 05/12/2020 của Sở GDĐT Hải Dương;

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ phường Phả Lại đánh giá luôn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành tốt và hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Phả Lại luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Dương Hồng Quân

Chức vụ: Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Phả Lại; Điểm trường khu Phả Lại, KDC số 5, Phường Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0968.065.994

Địa chỉ thư điện tử: quanmnch1@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 24 tháng 07 năm 2019 của UBND thành phố Chí Linh về việc sáp nhập trường Mầm non Phả Lại với trường Mầm non Nhiệt Điện Phả Lại

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường,

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-HĐT ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Phòng GD &ĐT thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm chức danh Hội đồng trường mầm non Phả Lại, nhiệm kỳ 2024 - 2029:

Danh sách thành viên hội đồng trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Phó Hiệu trưởng, CTCD	Chủ tịch
2	Bà Dương Hồng Quân	Hiệu trưởng	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Phương	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thư ký
4	Bà Nguyễn Thị Thu	TTCMMG 5 tuổi	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hương	TTCMMG 3 tuổi	Thành viên
6	Bà Đào Thị Minh Xuyên	TTCMMG NT-ND	Thành viên
7	Bà Trần Thị Lương	TT Tổ VP	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Khoa	Cán bộ Tư pháp phường	Thành viên
9	Ông Trần Đăng Tiến	Ban Đại diện CMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của UBND Thành phố Chí Linh về việc điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Phả Lại đối với đ/c Dương Hồng Quân

Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2024 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Phả Lại đối với đ/c Nguyễn Thị Thơm

Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Phả Lại đối với đ/c Trần Thị Huế

Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Phả Lại đối với đ/c Nguyễn Thị Minh Hạnh

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số CBQL, GV, NV	92			65	7	4	17
I	Cán bộ quản lý	4			4			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	3			3			
II	Giáo viên	69			60	7	2	
1	Nhà trẻ	15			13	2		
2	Mẫu giáo	54			47	5	2	
III	Nhân viên	19			1		1	17
1	Nhân viên kế toán	1			1			
2	Nhân viên văn thư							
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế							
5	Nhân viên nuôi dưỡng	12					1	11
6	Nhân viên Bảo vệ	6						6
7	Nhân viên VSMT							
8	Nhân viên phục vụ							

2.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	4	100%	4	100%
Xếp loại	Tốt	4	100%	4	100%
	Khá	0	0	0	0
	Đạt	0	0	0	0
	Chưa đạt	0	0	0	0

2	Giáo viên	71	100%	70	100%
Xếp loại	Tốt	40	56%	64	94,3%
	Khá	31	44%	04	5,7%
	Đạt	0	0	0	0
	Chưa đạt	0	0	0	0

2.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Nội dung	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	4	100%	4	100%
Giáo viên	71	100%	70	100%
Nhân viên	13	100%	13	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025	Theo yêu cầu quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	8578 m ²	8578 m ²	8438 m ²	Lấy số liệu mới của địa chính phường, giảm diện tích so với trước; Diện tích còn thiếu so với trường chuẩn QG: Khu Bình Giang; Khu Nhiệt Điện 1
	Điểm trường	6	6	6	
	Diện tích bình quân cho trẻ	9,74	10,3	12,1	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng	63	63	63	
2.1.	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	36	36	36	
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	36	36	36	Dùng chung phòng ngủ
	Phòng vệ sinh	28	28	28	Khu Phao sơn; Cao Đường có nhà vệ sinh dùng chung
	Phòng ngủ	0	0	0	Dùng chung phòng học
	Phòng khác	0	0	0	
2.2.	Khối phòng phục	2	2	2	

	vụ học tập				
	Thư viện	0	0	1	
	Phòng thể chất	0	0	0	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	2	2	2	
	Phòng khác (Steam)	0	0	2	
2.3.	Phòng tổ chức ăn	5	5	5	
	Nhà bếp	5	5	5	
	Nhà kho	5	5	5	
	Phòng khác				
2.4.	Khối phòng hành chính, quản trị	14	14	14	
	Phòng hiệu trưởng	1	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	3	3	3	
	Văn phòng trưởng	1	1	1	
	Phòng họp	0	0	0	
	Phòng hành chính quản trị	1	1	1	
	Phòng bảo vệ	3	3	3	
	Phòng y tế	2	2	2	
	Phòng truyền thống	0	0	0	
	Phòng nhân viên	1	1	1	
	Phòng khác	2	2	2	
2.5.	Khối công trình công cộng	6	6	6	
	Nhà xe giáo viên	6	6	6	
	Phòng khác				
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	36	36	36	Tính theo nhóm lớp
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	49	49	49	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	122	122	122	
	- Tivi	6	6	4	
	- Máy chiếu	1	1	1	
	- Máy in	35	26	22	
	- Loa máy	2	2	6	
	- Bình nóng lạnh	18	24	24	
	- Máy vi tính	36	28	22	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

Trường Mầm non Phả Lại tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá năm 2023 – 2024

4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận: Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND Tỉnh Hải Dương; và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1578/QĐ-SGDĐT ngày 05/12/2020 của Sở GDĐT Hải Dương;

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng từ năm 2023 -2024.

- Kế hoạch duy trì và giữ vững trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định CLGD mức độ 2 (Kế hoạch số 361/KH-MNPL ngày 16/9/2024)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2024-2025

Nội dung	Kết quả đạt được năm học 2024 - 2025	Đánh giá
- Tỷ lệ cháu ăn bán trú tại trường	100%	Đạt
- Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ	100%	Đạt
- Trẻ phát triển bình thường cân nặng (số liệu T4/2025)	NT: 142/142 = 100 % MG đạt: 616/622 = 99 %	NT vượt chỉ tiêu 2% MG vượt chỉ tiêu 1%
- Trẻ phát triển bình thường chiều cao (số liệu T4/2025)	NT đạt: 142/142 = 100% MG đạt: 615/622 = 98,9%	NT vượt chỉ tiêu 2% MG vượt chỉ tiêu 0,9%
- Đánh giá chất lượng trẻ 5 tuổi	231/231 = 100%	Đạt
- Tỷ lệ bé chuyên chăm	NT: 81 % MG: 86 %	NT vượt chỉ tiêu 1,0% MG vượt chỉ tiêu 4%
- Tỷ lệ bé ngoan	NT: 78 % MG: 82 %	NT vượt chỉ tiêu 3,0% MG vượt chỉ tiêu 5%
- Tỷ lệ bé ngoan toàn diện	NT: 72 % MG: 77,4 %	NT vượt chỉ tiêu 2,0% MG vượt chỉ tiêu 5,4%

*** Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ**

- 100% trẻ đến trường được ăn bán trú tại trường, ăn đủ số bữa ăn theo quy định. Mức ăn Nhà trẻ, mẫu giáo là 18.000đ/ trẻ /ngày

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% trẻ trong thời gian trẻ ở trường. Đã không để xảy ra ngộ độc thức ăn hay dịch bệnh trong nhà trường

+ Trẻ Thừa cân, BP, GC (BMI hoặc BD3): Thừa cân: 6; BP: 4;

- Kết quả khám sức khỏe chuyên khoa: 752 cháu khám. Kết quả 284 cháu sâu răng, 02 trẻ thiếu sản răng; 01 trẻ bị tật khúc xạ mắt, tai mũi họng 76 trẻ

- 100% trẻ được theo dõi kiểm tra thị lực 02 lần/năm. Kết quả kiểm tra có 01 cháu không đạt các bài đánh giá về thị lực (bị tật khúc xạ mắt)

*** Chất lượng giáo dục và thực hiện chương trình GDMN, chuyên đề “trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” và chủ đề năm học.**

- 100% trẻ đến trường học 2 buổi trên ngày theo chương trình GDMN.

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ sinh hoạt trong ngày, tăng cường các hoạt động rèn kỹ năng cho trẻ, thực hiện tốt các hoạt động trải nghiệm 100% trẻ mẫu giáo khu Bình Giang, Nhiệt Điện 1 được hoạt động tại phòng âm nhạc và 100% trẻ mẫu giáo được trải nghiệm “Bé làm nội trợ” như nhặt rau, bóc trứng, gọt củ quả... theo lịch hoạt động các hoạt động phòng âm nhạc, thư viện

- 33/33 nhóm lớp đã áp dụng phương pháp giáo dục Steam vào trong thực hiện chương trình phù hợp theo tình hình thực tế nhóm lớp. Thực hiện mỗi chủ đề nhánh ứng dụng giáo dục Steam 1-2 hoạt động trong giảng dạy

- 33/33 nhóm, lớp đã xây dựng góc thư viện thân thiện

- Nhà trường đã thực hiện tốt các chuyên đề, sự kiện, ngày hội ngày lễ, như: “Vui tết trung thu”; “Ngày hội của bà, của mẹ 20/10”; Giao lưu “Ngày hội Bé khỏe, bé khéo - Chào mừng ngày 22/12”; “Noel vui vẻ”; “Chương trình “Vui đón tết – Mừng xuân sang”; “Công dân toàn cầu – Kết nối yêu thương” được đông đảo phụ huynh tham gia, hưởng ứng nhiệt tình, đánh giá cao.

- Tham dự Giao lưu “Bé khỏe - Bé khéo” cấp thành phố, nhà trường có 07 trẻ tham gia, kết quả đạt giải Ba

- 09/09 lớp 5 tuổi sử dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ. Cuối năm trẻ mẫu giáo được nhà trường đánh giá 30 mục tiêu theo đúng quy định đảm bảo đạt 100%. Kết quả 622/622 trẻ mẫu giáo được đánh giá chất lượng cuối năm Đạt, trẻ nhanh nhẹn, ngoan ngoãn, có nề nếp, thói quen tốt.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025.

Các thu khác	Dư năm học trước chuyển sang	Số tiền thu	Sử dụng nguồn thu	Số tiền chi
Tiền ăn	0	59.346.000	Chi mua thực phẩm cho học sinh ăn ngày	57.096.000

bản trú ngày thứ 7			thứ 7	
			Trả lại tiền ăn thừa cho học sinh ăn ngày thứ 7	2.250.000
			Tổng cộng	59.346.000
			Đối trừ	0
Tiền dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày thứ 7	0	144.945.979	Chi cho giáo viên trực tiếp dạy ngày thứ 7	102.617.639
			Chi tiền công cho NV cấp dưỡng nấu ăn ngày thứ 7	21.743.341
			Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên ngày thứ 7	5.881.071
			Chi mua nước lau sàn, nước rửa tay, giấy vệ sinh, nước rửa bát phục vụ dạy ngày thứ 7	4.199.000
			Chi hỗ trợ tiền nước PV bán trú thứ 7	500.000
			Chi hỗ trợ tiền điện PV bán trú, tiền điện điều hòa thứ 7	1.330.599
			Chi nộp thuế TNDN	3.049.329
			Trả lại học sinh do nghỉ học	5.625.000
			Tổng cộng	144.945.979
			Đối trừ	0
Tiền chất đốt ngày thứ 7	0	5.270.000	Chi mua khí ga hóa lỏng nấu ăn bán trú cho học sinh ngày thứ 7	5.270.000
			Tổng cộng	5.270.000
			Đối trừ	0
Tiền ăn	0	2.052.540.000	Chi mua lương thực, thực phẩm nấu ăn bán trú cho học sinh	1.982.754.000
			Trả lại tiền ăn thừa cho học sinh	69.786.000
			Tổng cộng	2.052.540.000
			Đối trừ	0
Tiền chất đốt	1.904	197.456.000	Chi mua khí ga hóa lỏng nấu ăn bán trú cho học sinh	196.475.000
			Chi mua 01 bộ bếp gas	982.904
			Tổng cộng	197.457.904
			Đối trừ	0
Hỗ trợ tiền điện phục vụ bán trú	0	31.401.000	Chi trả tiền điện phục vụ bán trú	31.401.000
			Tổng cộng	31.401.000
			Đối trừ	0

Hỗ trợ tiền nước phục vụ bán trú	0	31.517.200	Chi trả tiền nước phục vụ bán trú	31.499.800
			Trả lại tiền cho 2 học sinh khu Cao đường không	17.400
			Tổng cộng	31.517.200
			Đối trừ	0
Tiền nước tẩy, rửa nhà bếp	0	31.488.000	Chi mua nước tẩy, rửa cho nhà bếp	31.488.000
			Tổng cộng	31.488.000
			Đối trừ	0
Tiền dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú	0	1.883.690.375	Chi tiền công cho nhân viên cấp dưỡng	487.975.000
			Chi đóng 32% bảo hiểm cho nhân viên cấp dưỡng	161.600.000
			Chi đóng 2% kinh phí công đoàn cho nhân viên cấp dưỡng	10.100.000
			Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác quản lý bán trú	76.218.605
			Chi cho giáo viên trực tiếp trông trưa	1.023.097.108
			Chi hỗ trợ NV cấp dưỡng trực trưa nấu ăn bán trú	83.831.500
			Chi nộp thuế TNDN	40.868.162
			Tổng cộng	1.883.690.375
			Đối trừ	0
Tiền dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học	28.348	46.400.000	Chi mua công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú	46.428.348
			Tổng cộng	46.428.348
			Đối trừ	0
Tiền dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	0	178.489.200	Chi tiền thuê lao công quét dọn vệ sinh	47.800.000
			Chi mua dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn	130.689.200
			Tổng cộng	178.489.200
			Đối trừ	0
Tiền dịch vụ điều	0	58.150.000	Chi trả tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh tháng 12/2024	43.970.000

hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh			Chi trả tiền điện điều hòa còn dư cho học sinh	14.180.000
			Tổng cộng	58.150.000
			Đối trừ	0
Tiền nước uống cho học sinh	2.800	38.048.000	Chi mua nước uống tinh khiết đóng bình cho học sinh	38.050.800
			Tổng cộng	38.050.800
			Đối trừ	0
Tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu	0	51.470.000	Chi mua đồ dùng, đồ chơi và học liệu cho các lớp	51.470.000
			Tổng cộng	51.470.000
			Đối trừ	0
Cộng tổng	33.052	4.810.211.754	Tổng cộng chi	4.810.244.806
			Tồn	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Quy mô phát triển, công tác PCGD trẻ 5 tuổi, chuẩn bị các điều kiện thực hiện PCGD mầm non cho trẻ em 4 tuổi.

- Số điểm trường: 06
- Số nhóm lớp đầu năm học: 36
 - + Nhóm trẻ 24 - 36 tháng: 08
 - + Lớp mẫu giáo: 28 (Lớp MG 3 tuổi: 10; Lớp MG 4 tuổi: 09 lớp; Lớp MG 5 tuổi: 09)
- Từ ngày 01/01/2025 số nhóm lớp: 33 (giảm 03 nhóm lớp trong đó 02 nhóm trẻ; 01 lớp MG 3-4 tuổi)
 - + Nhóm trẻ 24 - 36 tháng: 06
 - + Lớp mẫu giáo: 27 (Lớp MG 3 tuổi: 9; Lớp MG 4 tuổi: 09 lớp; Lớp MG 5 tuổi: 09)
- Nhà trường được điều chỉnh giảm số trẻ được giao từ 855 cháu xuống còn 755 cháu theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND thành phố Chí Linh về việc điều chỉnh quy mô số lớp cấp mầm non năm học 2024-2025

Kết quả cụ thể:

Nội dung	Số trẻ trong độ tuổi	Kế hoạch giao	Số trẻ ra lớp (T4/2025)	KQ /KH thực hiện
Tổng NT+MG	996	755	764	764/755 vượt chỉ tiêu 09 cháu

- Nhà trường làm tốt công tác điều tra phổ cập học sinh từ 0 đến 72 tháng tuổi được Ban PCGD-XMC thành phố xếp loại Tốt. Làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, các tổ chức xã hội, đặc biệt với các bậc phụ huynh học sinh để huy động trẻ đến trường, đặc biệt là trẻ nhà trẻ tăng so với học kì 1 là 40 cháu. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường. Làm tốt công tác tạo môi trường cho trẻ tham gia vào các hoạt động.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Ban lãnh đạo nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 04 giáo viên, 01 nhân viên nuôi dưỡng đang học nâng chuẩn lên trình độ đại học

Kết quả Hội thi “Giáo viên giỏi” cấp thành phố khối 3 tuổi và 5 tuổi đạt giải 04/04 = 100% (Đc Lệ Hằng; Đc Thủy; Đc Phương; Đc Thu); Nhà trường xếp thứ 02/09 trường của cụm

Phong trào viết và áp dụng sáng kiến: Nhà trường có 18 sáng kiến đề nghị nghiệm thu trong đó có 13 sáng kiến được công nhận đạt; 12 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở.

- Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp PHT, giáo viên xếp loại CNN: Tổng số 74 trong đó xếp loại Tốt $70/74 = 94,6\%$; xếp loại Khá $04/74 = 5,4\%$

- Kết quả đánh giá viên chức: Tổng số 75 trong đó xếp loại HTXSNV $15/75 = 20\%$; HTTNV: $69/75 = 78,7\%$; KHTNV $01/75 = 1,3\%$ (không đánh giá NV bếp)

Hạn chế: Trong năm học có nhiều biến động về số nhóm lớp, nhiều giáo viên nghỉ thai sản (6 GV) nên khó khăn cho công tác bố trí, phân công giáo viên. Trong năm học có 01 giáo viên vi phạm chính sách dân số KHHGD bị kỷ luật sinh con thứ 3 hình thức khiển trách (Đc Đồng Thị Lan)

3. Tăng cường cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học. Đẩy mạnh công tác vận động tài trợ.

Nhà trường đã tích cực đầu tư mua sắm CSVC, thiết bị đồ dùng như: Loa kéo khu NĐ1; NĐ2; Ngọc Sơn; Cao Đường; Thảm cỏ khu NĐ1; Bình Giang; quạt công nghiệp, bàn ghế.....Làm mới tất cả các loại biểu bảng. Tích cực tạo môi trường xanh, sạch đẹp, tuyên truyền ATGT; phát âm chuẩn phụ âm N/L...

Năm học 2024-2025 nhà trường đã được Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại, Ngân hàng BIDV; Agribank trao tặng 25.000.000 đồng để khắc phục bão số 3; Ông Vũ Hoàng Thạch (Biên Giang – Hà Đông – Hà Nội) trao tặng 600 cuốn sách, truyện trị giá 7200.000 đồng. Ông Trần Ngọc Sơn, Trần Đăng Quang cựu học sinh trường THPT Chí Linh niên khoá 1991-1994 tặng 196 đầu sách trị giá 8.153.000 đồng Nhà trường đã tiếp nhận theo đúng quy trình đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.

** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục*

Nhà trường có đủ nội quy làm việc, các loại quy chế như: Quy chế dân chủ, Quy chế công khai, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua khen thưởng, Bộ quy tắc ứng xử... các qui định về quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản, quản lý bán trú. Kiểm tra, đánh giá theo Kế hoạch kiểm tra nội bộ đúng quy định, đảm bảo chất lượng;

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ về công tác quản lý của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, đánh giá công khai, nghiêm túc, phát hiện những hạn chế kịp thời chấn chỉnh khắc phục.

Thực hiện tốt mọi quyền lợi, chính sách cho giáo viên và học sinh theo quy định. Chế độ chính sách của CGBV, NV, học sinh được chi trả đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo kịp thời.

** Thực hiện chính sách đối với trẻ em*

Năm học 2024 – 2025 nhà trường đã thực hiện miễn, giảm học phí, chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa theo đúng quy định: 03 cháu hộ cận nghèo; 05 cháu hộ nghèo (học kì 1); 01 cháu hộ cận nghèo; 04 cháu hộ nghèo (học kì 2); 01 cháu bố bị tai nạn lao động; trẻ khuyết tật học hoà nhập lại 01 cháu; miễn học phí cho toàn bộ trẻ 5 tuổi theo đúng quy định

Thực hiện tốt các hoạt động tặng quà cho các cháu hộ nghèo, cháu có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp như: khai giảng (05 cháu); trung thu, Noel (05 cháu), Tết nguyên đán (04 cháu do 01 cháu xuống đối tượng cận nghèo)

** Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.*

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Mind-Jet trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban lãnh đạo quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.



Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường và giáo viên đã thực hiện tốt công tác truyền thông, làm clip tuyên truyền về nội dung giáo dục: cụ thể có 39 bài trên website trường, 49 bài trên kênh fanpage chung của bậc học; 03 bài trên đài PTTH thành phố; 01 bài trên website của Sở GD&ĐT Hải Dương, 01 bài trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hải Dương.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Trường mầm non Phả Lại, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <http://cl-mnphalai.chilinh.edu.vn>

5. Công tác thi đua khen thưởng

Nhà trường đã thực hiện đúng Quy chế thi đua khen thưởng, bình bầu xếp loại thi đua đảm bảo khách quan, dân chủ, được sự nhất trí đồng tình của CBGVNV trong nhà trường

Nhà trường khởi thi đua chấm điểm thi đua đạt 90,25 điểm xếp thứ 04/19 trường mầm non trong thành phố

** Nhà trường đề nghị các danh hiệu thi đua sau:*

- + Danh hiệu tập thể: Tập thể lao động tiên tiến
- + Danh hiệu cá nhân:
 - 11 Đc đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở
 - 11 Đc được tặng Giấy khen của chủ tịch UBND thành phố
 - 02 Đc đề nghị tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh (Đc Hương, Đc Ngọc)
 - 63 Đc được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường Mầm non Phả Lại thời điểm tháng 6/2025./.

Nơi nhận:

- Hồ sơ công khai;
- Website trường;
- Các PHT, Các tổ CM, VP;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hồng Quân

Đơn vị công bố thông tin: Trường Mầm non Phả Lại
Các khoản thu ngoài ngân sách Năm học 2024 -2025
Địa chỉ: Phường Phả Lại - TP Chí Linh - Hải Dương
- Số điện thoại (nếu có)....

Phụ lục số 1
Mẫu CKQ 01

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2024 -2025

Đơn vị: đồng

Các thu khác	Dư năm học trước chuyển sang	Số tiền thu	Sử dụng nguồn thu	Số tiền chi
Tiền ăn bán trú ngày thứ 7	0	59.346.000	Chi mua thực phẩm cho học sinh ăn ngày thứ 7	57.096.000
			Trả lại tiền ăn thừa cho học sinh ăn ngày thứ 7	2.250.000
			Tổng cộng	59.346.000
			Đối trừ	0
Tiền dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày thứ 7	0	144.945.979	Chi cho giáo viên trực tiếp dạy ngày thứ 7	102.617.639
			Chi tiền công cho NV cấp dưỡng nấu ăn ngày thứ 7	21.743.341
			Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên ngày thứ 7	5.881.071
			Chi mua nước lau sàn, nước rửa tay, giấy vệ sinh, nước rửa bát phục vụ dạy ngày thứ 7	4.199.000
			Chi hỗ trợ tiền nước PV bán trú thứ 7	500.000
			Chi hỗ trợ tiền điện PV bán trú, tiền điện điều hòa thứ 7	1.330.599
			Chi nộp thuế TNDN	3.049.329
			Trả lại học sinh do nghỉ học	5.625.000
			Tổng cộng	144.945.979
			Đối trừ	0
			Chi mua khí ga hóa lỏng nấu ăn bán trú cho học sinh ngày thứ 7	5.270.000

Các thu khác	Dư năm học trước chuyển sang	Số tiền thu	Sử dụng nguồn thu	Số tiền chi
Tiền chất đốt ngày thứ 7	0	5.270.000	Tổng cộng	5.270.000
			Đối trừ	0
Tiền ăn	0	2.052.540.000	Chi mua lương thực, thực phẩm nấu ăn bán trú cho học sinh	1.982.754.000
			Trả lại tiền ăn thừa cho học sinh	69.786.000
			Tổng cộng	2.052.540.000
			Đối trừ	0
Tiền chất đốt	1.904	197.456.000	Chi mua khí ga hóa lỏng nấu ăn bán trú cho học sinh	196.475.000
			Chi mua 01 bộ bếp gas	982.904
			Tổng cộng	197.457.904
			Đối trừ	0
Hỗ trợ tiền điện phục vụ bán trú	0	31.401.000	Chi trả tiền điện phục vụ bán trú	31.401.000
			Tổng cộng	31.401.000
			Đối trừ	0
Hỗ trợ tiền nước phục vụ bán trú	0	31.517.200	Chi trả tiền nước phục vụ bán trú	31.499.800
			Trả lại tiền cho 2 học sinh khu Cao đường không	17.400
			Tổng cộng	31.517.200
			Đối trừ	0
Tiền nước tẩy, rửa nhà bếp	0	31.488.000	Chi mua nước tẩy, rửa cho nhà bếp	31.488.000
			Tổng cộng	31.488.000
			Đối trừ	0



Các thu khác	Dư năm học trước chuyển sang	Số tiền thu	Sử dụng nguồn thu	Số tiền chi
Tiền dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú	0	1.883.690.375	Chi tiền công cho nhân viên cấp dưỡng	487.975.000
			Chi đóng 32% bảo hiểm cho nhân viên cấp dưỡng	161.600.000
			Chi đóng 2% kinh phí công đoàn cho nhân viên cấp dưỡng	10.100.000
			Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác quản lý bán trú	76.218.605
			Chi cho giáo viên trực tiếp trông trưa	1.023.097.108
Tiền dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học	28.348	46.400.000	Chi hỗ trợ NV cấp dưỡng trực trưa nấu ăn bán trú	83.831.500
			Chi nộp thuế TNDN	40.868.162
			Tổng cộng	1.883.690.375
			Đối trừ	0
			Chi mua công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú	46.428.348
Tiền dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	0	178.489.200	Tổng cộng	46.428.348
			Đối trừ	0
			Chi tiền thuê lao công quét dọn vệ sinh	47.800.000
			Chi mua dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn	130.689.200
			Tổng cộng	178.489.200
			Đối trừ	0

Các thu khác	Dư năm học trước chuyển sang	Số tiền thu	Sử dụng nguồn thu	Số tiền chi
Tiền dịch vụ điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh	0	58.150.000	Chi trả tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh tháng 12/2024	43.970.000
			Chi trả tiền điện điều hòa còn dư cho học sinh	14.180.000
			Tổng cộng	58.150.000
Tiền nước uống cho học sinh	2.800	38.048.000	Đối trừ	0
			Chi mua nước uống tinh khiết đóng bình cho học sinh	38.050.800
			Tổng cộng	38.050.800
Tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu	0	51.470.000	Đối trừ	0
			Chi mua đồ dùng, đồ chơi và học liệu cho các lớp	51.470.000
			Tổng cộng	51.470.000
Cộng tổng	33.052	4.810.211.754	Đối trừ	0
			Tổng cộng chi	4.810.244.806
			Tồn	0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Trần Thị Lương

Trần Thị Lương



Đương Hồng Quân